

như sau : " Chắp 2 bàn tay, tập trung tư tưởng, cung kính lễ bái. Đây là cách lễ bái từ xưa ở Ấn Độ, được Phật giáo thật hành theo.

Người Ấn Độ cho rằng tay phải là tay thần thánh, tay trái là tay bất tịnh. Nhưng nếu 2 tay hiệp lại làm một thì trở thành sự hợp nhất giữa phương diện thánh thiện và nhiễm ô, cho nên hiệp chưởng là biểu hiện bộ mặt chân thật nhất của con người. Nghĩa " Bất cấu bất tịnh " trong Bát Nhã Tâm Kinh chính là ý này.

Trong các Kinh Luận có rất nhiều chỗ nói về hiệp chưởng, như Phẩm Phương Tiện Kinh Pháp Hoa (Đại 9,9 Hạ) ghi : " Cung kính hiệp chưởng lễ "; Kinh Quán Vô Lượng Thọ (Đại 12, 345 thượng) ghi : " Hiệp chưởng chắp tay, khen ngợi chư Phật."

Ngoài việc biểu thị ý cung kính trong tâm, hiệp chưởng còn biểu thị ý trở về nguồn cội, đạt đến chỗ phi quyền, phi thật, sự lý khế hợp.

Theo Đại Đường Tây Vực Ký 2, hiệp chưởng là cách thứ tư trong 9 cách lễ ở Ấn Độ.

Mật Giáo phối hợp 2 tay với Kim Cang giới và Thai Tạng giới, hoặc lý và trí, hoặc định và huệ v.v... đồng thời phối hợp 10 ngón với 5 đại, 10 Ba La Mật v.v...

Ngoài ra, Đại Nhật Kinh Sớ 13 có nêu 12 cách hiệp chưởng :

- 1- Kiên thật tâm hiệp chưởng (hai tay chắp chặt vào nhau các đầu ngón tay bằng nhau).
- 2- Hư tâm hiệp chưởng, còn gọi không tâm hiệp chưởng (hai tay chắp lại, các đầu ngón tay bằng nhau, hơi rỗng ở giữa).
- 3- Vị phu (khai) liên hiệp chưởng (các ngón tay bằng nhau chắp lại, lòng bàn tay phình ra hình hoa sen búp).
- 4- Sơ các liên hiệp chưởng (chắp

tay 2 ngón cái và 2 ngón út dính lại, các ngón kia hở ra, giống như hoa sen hàm tiếu).

- 5- Hiển lộ hiệp chưởng (hai bàn tay chạm đầu, ngửa lên).
- 6- Trì thủy hiệp chưởng (hai tay cũng ngửa lên như trước, dáng khum lại như đang vốc nước).
- 7- Quy mạng hiệp chưởng, còn gọi Kim Cang hiệp chưởng (đặt ngón của bàn tay mặt lên trên ngón của bàn tay trái).
- 8- Phản xoa hiệp chưởng (hai tay chắp ngược đầu nhau đặt tay phải lên tay trái).
- 9- Phản tịch (bối) hổ tương trước hiệp chưởng (lưng 2 bàn tay đầu nhau, tay phải để ngửa trên

nhau).

Mười hai loại hiệp chưởng này đều có ý nghĩa sâu xa khác nhau.

Hỏi : Tại sao khi cúng vong hoặc tiến linh cho các bậc Tôn Sư, lại đọc 2 bài chú : **Biến Thực và Biến Thủy**. Xin hỏi, điều này có ý nghĩa gì ?

Đáp : Biến thực chân ngôn hay Biến thực chú, hoặc Biến thực đà la ni, đây là thần chú biến hoá thức ăn để cúng thí cho chư thiên và ngạ quỷ. Về nguyên nhân có ra thần chú này, theo Từ Điển Phật Học Huệ Quang quyển 1 trang 752 có ghi như sau : " Kinh Cúu Bát Diệm Khẩu Ngạ Quỷ Đà La Ni có nói : " Phật thuyết pháp ở Tăng già lam Ni câu luật na thành Ca tỳ la. Lúc bấy giờ, Tôn giả A



lưng bàn tay trái).

- 10- Hoành trụ chi hiệp chưởng (hai bàn tay nằm ngửa, đầu 2 ngón trở đụng nhau).
- 11- Phúc thủ hướng hạ hiệp chưởng (hai bàn tay nằm úp, đầu 2 ngón trở đụng nhau).
- 12- Phúc thủ hiệp chưởng (hai bàn tay úp xuống hai ngón cái chạm

Nan ngồi một mình nơi thanh vắng tu tập thiền định. Sau canh ba, chính Tôn giả A Nan thấy một ngạ quỷ Diệm Khẩu, thân hình xấu xí khô gầy, trong miệng lửa cháy, yết hầu nhỏ như đầu kim, tóc rối, răng móng dài nhọn rất đáng kinh sợ. Ngạ quỷ ấy bảo A Nan rằng :

Sau 3 ngày nữa A Nan sẽ chết và cũng đọa vào trong loài ngạ quỷ. A